TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO BẰNG** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2019/DS-ST
Ngày: 30/7/2019
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản (tiền)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG - TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Quỳnh Mai

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đinh Văn Hải

2. Ông Lưu Danh Thùy

- Thư ký phiên tòa: Ông Tống Văn Tài - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Ma Ngọc Luân - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 12/2019/TLST-DS ngày 19 tháng 02 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản (tiền)" theo Thông báo hoãn phiên tòa số 359/TB-TA ngày 08/7/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị T - sinh năm 1955;

Trú tại: SN T, tổ S, phường T, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* 1. Bà Lăng Thị L - sinh năm 1971;

2. Ông Nguyễn Mạnh H - sinh năm 1966.

Cùng trú tại: tổ S, phường T, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 07/01/2019, 15/02/2019; lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Phan Thị T trình bày:

Bà và bà Lăng Thị L, ông Nguyễn Mạnh H không có quan hệ gì. Ngày 18/9/2017, bà Đào Thị V (trú tại tổ T, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng) dẫn vợ chồng bà Lăng Thị L và ông Nguyễn Mạnh H đến nhà bà để vay số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng), lãi suất thỏa thuận 180.000 đồng/ngày/150.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 18/9/2017. Việc thỏa thuận giữa các bên không lập thành hợp đồng mà viết giấy nhượng bán nhà 02 tầng, diện tích 104m^2 tại tổ S, phường T, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Giấy

nhượng bán nhà có đầy đủ chữ ký của các bên tham gia và bà Đào Thị Vân. Sau đó, bà L và ông H không thực hiện việc trả tiền lãi theo thỏa thuận nên bà có đơn tố giác đến cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng yêu cầu giải quyết vụ việc có dấu hiệu tội phạm theo quy định của pháp luật. Tại bản kết quả giải quyết tố giác về tội phạm số 45 ngày 09/4/2018 của cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng kết luận việc bà Lăng Thị L vay mượn tiền của bà chỉ là giao dịch dân sự, hành vi của bà L chưa đủ yếu tố cấu thành tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo quy định của Bộ luật hình sự. Sau khi có kết quả giải quyết tố giác về tội phạm của cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng, bà và bà L ông H đã thỏa thuận với nhau, theo đó hai bên xác nhận đến hết ngày 30/01/2018 bà Lăng Thị Lvà ông Nguyễn Mạnh H còn nợ bà số tiền vay từ ngày 18/9/2017 là 150.000.000 đồng; kể từ ngày 01/02/2018 đến hết ngày 31/12/2018 bà Lăng Thị L và ông Nguyễn Mạnh H sẽ trả lãi mỗi tháng cho bà với số tiền 1.500.000 đồng vào ngày 20 hàng tháng; kể từ ngày 01/01/2019, bà Lăng Thị L và ông Nguyễn Mạnh H sẽ trả cả gốc và lãi mỗi tháng với số tiền 5.000.000 đồng, trong đó tiền gốc là 3.500.000 đồng, tiền lãi là 1.500.000 đồng vào ngày 20 hàng tháng cho đến khi trả hết số nợ. Sau khi có thỏa thuận, bà L, ông H đã thanh toán được số tiền lãi của 03 tháng với tổng số tiền là 4.500.000 đồng. Từ đó đến nay bà L, ông H không trả thêm một khoản tiền nào nữa.

Tại phiên tòa, bà yêu cầu ông H và bà L trả số tiền gốc là 150.000.000 đồng và tiền lãi của các tháng đã cam kết gồm tháng 9; 10; 11; 12 năm 2017; tháng 01; 5; 6; 7; 8; 9; 10; 11; 12 năm 2018 và tháng 01; 02 năm 2019 (lãi suất theo quy định của pháp luật).

Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/4/2019, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Lăng Thị L trình bày:

Bà và ông Nguyễn Mạnh H là quan hệ vợ chồng, còn với bà Phan Thị T chỉ quen biết thông qua bà Đào Thị V.

Do có nhu cầu vay tiền để trả nợ và kinh doanh quần áo trẻ em, bà được bà V giới thiệu vay tiền với bà Phan Thị T, cụ thể như sau: ngày 15/9/2017, bà vay của bà T 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng). Khi vay có viết giấy vay với thời hạn 02 năm kể từ ngày lập giấy, lãi suất thỏa thuận miệng là 300.000 đồng/ngày/60.000.000 đồng. Bà là người trực tiếp vay cũng như nhận tiền nhưng do bà T yêu cầu nên ông H cũng ký vào giấy vay tiền. Đến ngày 17/9/2017, bà T đến nhà ngỏ ý tiếp tục cho vợ chồng bà vay thêm tiền và bà đồng ý vay thêm số tiền 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng). Việc vay thêm số tiền này không viết giấy riêng mà gộp chung với số tiền 60.000.000 đồng trong một giấy vay tiền đề ngày 18/9/2017 với tổng số tiền vay là 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng). Giấy vay tiền 150.000.000 đồng này được viết dưới hình thức giấy nhượng bán nhà do bà T yêu cầu để làm tin. Lãi suất thỏa thuận miệng của số tiền 150.000.000 đồng là 250.000 đồng/ngày và phải trả vào 16 giờ hàng ngày.

Đối với khoản tiền lãi bà đã trả được cho bà T như sau: ngày 16 và 17/9/2017 bà đã trả lãi 600.000 đồng của số tiền vay 60.000.000 đồng. Từ ngày 18/9/2017 đến ngày 30/10/2017 mỗi ngày bà trả 250.000 đồng tiền lãi. Khi trả lãi bà trực tiếp đưa cho bà T mà không có giấy tờ gì. Ngày 17/11/2017, bà T lên chợ lấy áo

khoác cho cháu và bà trả tiền mặt cho bà T 200.000 đồng. Ngày 20/11/2017, bà trả tiền mặt 600.000 đồng. Ngày 22/11/2017 bà trả tiền mặt 750.000 đồng và bà T lấy quần áo trẻ em trị giá 1.550.000 đồng. Ngày 23/11/2017, bà trả tiền mặt 50.000 đồng và bà T lấy quần áo trẻ em trị giá 500.000 đồng. Ngày 24/11/2017, bà trả tiền mặt 2.800.000 đồng. Ngày 26/11/2017, bà T lấy áo len trẻ em trị giá 200.000 đồng. Ngày 05/12/2017, bà T lấy quần áo trẻ em trị giá 350.000 đồng. Sau khi có biên bản thỏa thuận ông H trả cho bà T 03 tháng tiền lãi, mỗi tháng 1.500.000 đồng (tổng cộng 03 tháng là 4.500.000 đồng).

Khi bà vay tiền bà có trao đổi với ông H và ông H nhất trí. Ông H không hề sử dụng khoản tiền nào trong số tiền bà đã vay. Bà xác nhận bà chưa thanh toán cho bà T số tiền gốc 150.000.000 đồng. Còn số tiền lãi bà đã trả như trên. Ngoài ra, bà chưa trả được bất cứ khoản tiền nào khác. Hiện nay, do điều kiện kinh tế nên bà không có khả năng trả cho bà T một lúc số tiền 150.000.000 đồng. Bà xác định chỉ có thể trả từ 500.000 đồng đến 800.000 đồng/tháng cho bà T.

Tại bản tự khai ngày 09/4/2019, trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Mạnh H trình bày:

Ông là chồng của bà Lăng Thị L và ông không có mối quan hệ gì với bà Phan Thị T. Ông không trực tiếp đi cùng bà L đến nhà bà Phan Thị T vay 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng); ông có ký vào giấy vay tiền để bà L trả nợ và kinh doanh quần áo. Số tiền trên ông hoàn toàn không sử dụng. Ông xác nhận có trả lãi cho bà T 03 tháng thông qua hình thức chuyển khoản mỗi tháng là 1.500.000 đồng với tổng số tiền là 4.500.000 đồng.

Ông xác định ông không đủ khả năng để trả số tiền 150.000.000 đồng một lần cho bà T vì hiện tại điều kiện hoàn cảnh không cho phép. Cả hai vợ chồng mỗi tháng chỉ có khả năng trả cho bà T 1.000.000 đồng (một triệu đồng) đối với số tiền gốc, còn số tiền lãi vợ chồng không còn khả năng trả.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/6/2019, người làm chứng bà Đào Thị V trình bày: bà và bà Phan Thị T, ông Nguyễn Mạnh H, bà Lăng Thị L chỉ quen biết sơ, không có quan hệ gì khác. Do biết vợ chồng ông H, bà L có nhu cầu vay tiền nên bà đã dẫn họ đến nhà bà T. Bà chỉ biết bà T đã giao tiền đầy đủ cho ông H, bà L với số tiền là 150.000.000 đồng. Khi vay có lập giấy vay nhưng bà không nhớ thời điểm lập giấy vay và bà cũng không biết về nội dung của giấy vay tiền đó.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng trình bày:

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc thụ lý và giải quyết sơ thẩm vụ án.

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của họ theo quy định của pháp luật.

* Ý kiến về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 122, 463, 465, 466, 468 của Bộ luật dân sự 2015, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội, tuyên xử: chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị T, buộc bà Lăng Thị L và ông Nguyễn Mạnh H phải thanh toán cho bà T số tiền gốc 150.000.000 đồng và số tiền lãi là 21.498.000 đồng.

Về án phí, bà Phan Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền số tiền lãi 16.602.000 đồng không được chấp nhận là 830.100 đồng. Bà Lăng Thị L và ông Nguyễn Mạnh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền gốc 150.000.000 đồng và số tiền lãi 21.498.000 đồng là 8.574.900 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến trình bày của nguyên đơn, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về tố tụng: bà Phan Thị T khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản (tiền) đối với bà Lăng Thị L, ông Nguyễn Mạnh H có nơi cư trú tại tổ S, phường T, thành phố C, tỉnh Cao Bằng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng theo khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Lăng Thị L, ông Nguyễn Mạnh H là bị đơn, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền nợ gốc:

Ngày 18/9/2019, thông qua bà Đào Thị V, bà Phan Thị T cho bà Lăng Thị L và ông Nguyễn Mạnh H vay tổng số tiền là 150.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất cho vay 180.000 đồng/ngày/150.000.000 đồng. Việc vay mượn giữa các bên không lập thành hợp đồng mà bà L, ông H viết giấy nhượng bán nhà 02 tầng, diện tích 104 m^2 tại tổ S, phường T, thành phố C, tỉnh Cao Bằng cho bà T. Giấy nhượng bán nhà có đầy đủ chữ ký của các bên tham gia và bà Đào Thị V là người chứng kiến. Sau khi thỏa thuận, ông H đã thanh toán cho bà T số tiền lãi 4.500.000 đồng vào các tháng 02, 03, 04 năm 2018 mỗi tháng 1.500.000 đồng. Nội dung trên được thể hiện tại đơn khởi kiện, giấy chuyển nhượng bán nhà, biên bản thỏa thuận, các bản tự khai, biên bản ghi lời khai và biên bản hòa giải giữa các bên đương sự. Do đó, đây là những tài liệu, tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Như vậy, ngày 18/9/2017 bà Phan Thị T với bà Lăng Thị L và ông Nguyễn Mạnh H đã thỏa

thuận ký kết hợp đồng vay tài sản. Giao dịch dân sự này được xác lập giữa các bên có đủ năng lực hành vi dân sự, khi tham gia giao dịch dân sự các bên hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp quy định của các Điều 116, 117, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015 nên hợp đồng vay tài sản ngày 18/9/2017 cũng như biên bản thỏa thuận được ký kết giữa bà T với bà L và ông H có hiệu lực pháp luật buộc các bên phải thi hành. Do vậy, có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị T buộc bà Lăng Thị L và ông Nguyễn Mạnh H có trách nhiệm phải trả số tiền nợ gốc 150.000.000 đồng cho bà T.

[3]. Về yêu cầu tính lãi:

Ngày 15/5/2019, Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng yêu cầu bà L cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến số tiền lãi đã thanh toán cho bà T trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được quyết định nhưng bà L không thực hiện theo yêu cầu này của Tòa án. Ngày 08/7/2019, bà Lăng Thị L cung cấp cho Tòa án bảng kê chi tiết trả lãi đối với khoản nợ 150.000.000 đồng. Theo bảng kê này số tiền lãi bà L đã thanh toán cho bà T là 24.600.000 đồng. Trong số tiền lãi này nguyên đơn chỉ thừa nhận việc bị đơn đã trả số tiền lãi 4.500.000 đồng thông qua việc chuyển khoản tại ngân hàng. Số tiền lãi còn lại đã trả nguyên đơn không thừa nhận. Mặt khác, bảng kê chi tiết trả lãi này không có xác nhận của bà T, do vậy không có cơ sở để chấp nhận số tiền lãi còn lại mà bị đơn cho rằng đã thanh toán cho nguyên đơn.

Tiền lãi mà bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn được tính như sau:

+ Từ ngày 18/9/2017 đến ngày 30/01/2018

Hợp đồng vay tài sản giữa hai bên ngày 18/9/2017 không thể hiện lãi suất của số tiền vay. Hai bên đều cho rằng việc vay mượn có lãi suất và được thỏa thuận bằng miệng nhưng không thống nhất mức lãi suất. Bên cạnh đó, bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ thể hiện đã trả số tiền lãi nên phải xác định tại thời điểm này có tranh chấp về lãi suất nên áp dụng lãi suất 10% theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Số tiền lãi phải trả được tính như sau:

150.000.000 đồng x 10% : 12 x 4 tháng = 5.000.000 đồng

150.000.000 đồng x 10% : 12: 30 x 12 ngày = 500.000 đồng

Số tiền lãi phải trả từ ngày 18/9/2017 đến ngày 30/01/2018 là 5.500.000 đồng.

+ Từ ngày 01/02/2018 đến ngày 30/7/2019 (ngày xét xử sơ thẩm):

Theo biên bản thỏa thuận giữa các bên thì kể từ ngày 01/02/2018 đến hết ngày 31/12/2018 bà Lăng Thị L và ông Nguyễn Mạnh H sẽ trả cho bà Phan Thị T số tiền lãi mỗi tháng là 1.500.000 đồng. Và cũng kể từ ngày 01/01/2019 bà L, ông H phải trả cả gốc và lãi mỗi tháng là 5.000.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 3.500.000 đồng, tiền lãi là 1.500.000 đồng cho đến khi trả hết số nợ. Như vậy, theo thỏa thuận này lãi suất đối với số tiền 150.000.000 đồng là 1.500.000 đồng/tháng.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay. Mức lãi suất theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 của khoản tiền vay 150.000.000 đồng là: 20% x 150.000.000 đồng : 12 = 2.500.000 đồng/tháng.

Do đó, mức lãi suất các bên thỏa thuận 1.500.000 đồng/tháng không vượt quá quy định khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 nên được chấp nhận.

Số tiền lãi phải trả là 1.500.000 đồng x 17 tháng = 25.500.000 đồng

1.500.000 đồng : 30 x 29 ngày = 1.450.000 đồng

Số tiền lãi phải trả là: 25.500.000 đồng + 1.450.000 đồng = 26.950.000 đồng.

Số tiền lãi bị đơn đã trả là: 4.500.000 đồng.

Số tiền lãi bị đơn còn phải trả từ ngày 01/02/2018 đến ngày 30/7/2019 là: 26.950.000 đồng – 4.500.000 đồng = 22.450.000 đồng.

Tổng số tiền lãi bị đơn phải trả là: 5.500.000 đồng + 22.450.000 đồng = 27.950.000 đồng.

Như vậy, số tiền gốc và lãi bà L, ông H phải thanh toán cho bà T là 177.950.000 đồng.

[4.] Về án phí: do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5]. Về quyền kháng cáo: đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 116; 117; 288; 463; 466; 468; 470 Bộ luật dân sự 2015;

Áp dụng Điều 27; 37 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Áp dụng khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Buộc bà Lăng Thị Lvà ông Nguyễn Mạnh H (cùng trú tại tổ S, phường T, thành phố C) có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà Phan Thị T (trú tại tổ S, phường T, thành phố C) số tiền 177.950.000 đồng (một trăm bảy mươi bảy triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng) (ông Nguyễn Mạnh H có trách nhiệm thanh toán

số tiền 88.975.000 đồng, bà Lăng Thị L có trách nhiệm thanh toán số tiền 88.975.000 đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: bà Lăng Thị L và ông Nguyễn Mạnh H mỗi người phải chịu 4.448.750 đồng (bốn triệu bốn trăm bốn mươi tám nghìn bảy trăm năm mươi đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung công quỹ nhà nước.

Bà Phan Thị T được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí 3.750.000 đồng (ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng theo biên lai số AA/2018/0000348 ngày 19/02/2019.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn bà Lăng Thị L, ông Nguyễn Mạnh H (vắng mặt tại phiên tòa không có lý do) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát TP Cao Bằng;
- Thi hành án DS TP Cao Bằng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

Nguyễn Quỳnh Mai